

Số: 172/2023/QĐST-HNGĐ

Sơn Dương, ngày 15 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 163/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T.**, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn*: Anh **Hoàng Văn C.**, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T. và anh Hoàng Văn C..

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thu P, sinh ngày 18/7/2020 và cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 01/02/2022 cho chị Nguyễn Thị T. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn C. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 cháu cho đến khi cháu Hoàng Thu P. và Hoàng Bảo N. đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng kể từ tháng 7 năm 2023. Anh Hoàng Văn C. có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền phải cấp dưỡng, kể từ ngày chị Nguyễn Thị T. có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị T. và anh Hoàng Văn C. xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T. thuộc diện người khuyết tật nên được miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Anh Hoàng Văn C. phải nộp số tiền 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 225.000 đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến